

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự, hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé

Bà Hoàng Thị Thiện Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2020/QĐ-ST ngày 30/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2020/QĐ-ST ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã K.T, huyện C. M, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị T. H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang; làm đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Phú Hạ 1, xã K.T, huyện C. M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T.H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang; làm đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông B có tham gia 03 dây hội do bà Lê Thị L làm chủ, loại hội hoa hồng. Đến kỳ mở hội, hội viên nào mở hội giá cao thì được lĩnh hội. Chủ hội có trách nhiệm thu tiền các hội viên khác giao cho hội viên được lĩnh hội và hưởng hoa hồng, cụ thể:

+ Dây hội thứ nhất: hội 1.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 09/5/2019 (Al), gồm 23 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 08 lần hội sống tức là 8.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: hội 3.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 25/4/2018 (Al), gồm 24 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 20 lần hội sống tức là 60.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ ba: hội 2.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 06/10/2018 (Al), gồm 24 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 15 lần hội sống tức là 30.000.000 đồng.

Trong các dây hội nói trên bà L ghi tên của ông là “B” trong danh sách hội viên. Khi tham gia các dây hội tham gia tên B, đây cũng là tên thật của ông.

Nay, Ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho ông số tiền 03 dây hội đã đóng tổng cộng là 98.000.000 đồng (*chín mươi tám triệu*), yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: tờ tự khai của ông Nguyễn Văn B và 03 danh sách hội viên, thể hiện chi tiết đầy đủ những người tham gia chơi hội.

Khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn Lê Thị L đã bỏ đi khỏi địa phương. Quá trình xác minh tại Công an xã K.T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thì bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ Ba Lương) kể từ thời điểm sau tết nguyên đán đến nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật và ghi nhận sự vắng mặt của bà Lê Thị L tại các phiên hòa giải. Vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B có mặt, ông B đề nghị để cho vợ ông là bà Lê Thị Th H trình bày ý kiến, yêu cầu thay cho ông: bà H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa; lời trình bày của ông B, bà H phù hợp về số tiền hội của 03 dây hội mà ông tham gia đóng cho bà Lê Thị L; yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền hội mà ông B tham gia đóng hội cho bà L là 98.000.000 đồng, đồng thời rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đối với bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Lê Thị L.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ ông B khởi kiện là các sổ hụi ngày 09/5/2019 (al), 25/4/2018 (al), 06/10/2018 (al), thể hiện tên các hụi viên và số tiền giao dịch. Đỗ Thị Đ (3 Đợt), Huỳnh Thị Mà cùng tham gia hụi do bà L làm chủ cũng xác định ông B có tham gia hụi do bà L làm chủ. Do đó, việc bà L làm chủ hụi và ngưng mở hụi ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B nên ông B khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 98.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Đối với việc ông B rút lại yêu cầu tính lãi suất, căn cứ Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.
- Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền hụi 98.000.000 đồng.
- Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị L trả nợ hụi, do bà Lê Thị L có nơi cư trú tại: ấp Phú Hạ 1, xã K.T, huyện C. M, tỉnh An Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: trước khi phiên tòa được mở, bị đơn Lê Thị L vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về nội dung vụ án: việc thực hiện, xác lập hợp đồng, theo đơn khởi kiện, ông B tranh chấp ở đây hụi do bà L làm chủ gồm: dây hụi thứ nhất, hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai lần đầu vào ngày 09/5/2019 (Al), gồm 23 hụi viên, trong đó ông tham gia 01 chân hụi, đóng hụi được 08 lần hụi sống tức là 8.000.000 đồng; dây hụi thứ hai: hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi khai lần đầu vào ngày 25/4/2018 (Al), gồm 24 hụi viên, trong đó ông tham gia 01 chân hụi, đóng hụi được 20 lần hụi sống tức là 60.000.000 đồng; Dây hụi thứ ba: hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi

khui lần đầu vào ngày 06/10/2018 (A1), gồm 24 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 15 lần hội sống tức là 30.000.000 đồng.

Xem xét, yêu cầu khởi kiện của ông B và lời trình bày của vợ ông B (bà Lê Thị T. H), ông B, bà Hồng khai: khi tham gia chơi 03 dây hội trên do bà L (vợ 3 Lương) làm chủ hội thì ông B tham gia với tên là “B” trong danh sách hội viên.

+ Dây hội thứ nhất, hội 1.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 09/5/2019 (A1), gồm 23 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội đóng hội, đóng hội đầy đủ được 08 lần hội sống tức là 8.000.000 đồng thì bà L ngưng hội, ông tham gia tại số thứ tự 13.

+ Dây hội thứ hai, hội 2.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 06/10/2018 (A1), gồm 24 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 15 lần hội sống tức là 30.000.000 đồng, thì bà L ngưng hội, trong danh sách này ông tham gia tại số thứ tự 21.

+ Dây hội thứ ba: hội 3.000.000 đồng/tháng, hội khai lần đầu vào ngày 25/4/2018 (A1), gồm 24 hội viên, trong đó ông tham gia 01 chân hội, đóng hội được 20 lần hội sống tức là 60.000.000 đồng thì bà L ngưng hội, trong danh sách này ông tham gia tại số thứ tự 17.

Tài liệu, chứng cứ ông B cung cấp có 03 danh sách hội viên thể hiện đầy đủ tên từng hội viên tại 03 dây hội mà ông tham gia.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các chứng cứ thể hiện như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 tại Ban nhân dân ấp Phú Hạ 1 xác nhận: “khi xác bên tham gia chơi hội do bà Lê Thị L làm chủ hội thì địa phương không rõ, tuy nhiên khi bà Lê Thị L (vợ 3 Lương) bỏ địa phương đi kể từ sau tết nguyên đán (khoảng giữa tháng 2/2020) thì có nhiều hội viên cho biết bà L làm chủ hội, hội chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hội, giật hội và bỏ địa phương đi”.

Tại Biên bản xác minh cùng ngày tại Công an xã K.T, huyện C. M cung cấp: “sau khi bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ 3 Lương), có địa chỉ thường trú trong xã bỏ địa phương đi thì có nhiều hội viên đến trình báo bà L làm chủ hội bị bẻ hội, hội chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hội nên phía Công an xã có hướng dẫn những người tham gia chơi hội với bà L khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Ngoài ra, bà L bỏ địa phương từ tết nguyên đán đến nay nhưng hộ khẩu vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương”.

Quá trình xác minh, lấy lời khai của những người cùng tham gia chơi hội chung 02 dây hội với ông Nguyễn Văn B trong 03 danh sách hội viên xác định:

+ Người làm chứng Đỗ Thị Đ khai: tại dây hội 2.000.000 đồng do bà Lê Thị L làm chủ hội, hội mở ngày 06/10/2018 A1 bà có tham gia 02 chân trong danh sách hội viên với tên là “3 Đợt” ở vị trí thứ 5 và 7. Trong dây hội này còn có bà Mai Thị Th (bà lấy tên chồng là Tuấn) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “Tuấn” ở vị trí thứ 20. Bà Đ, bà Th đều xác định trong dây hội này các bà chơi chung với ông B và ông B tham gia ở vị trí số 21.

+ Đối với dây hội 3.000.000 đồng do bà L làm chủ hội, khai ngày 25/4/2018 có 24 hội viên tham gia, bà Mai Thị Th (bà lấy tên chồng là Tuấn) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “Tuấn” ở vị trí thứ 9 trong danh sách còn ông B tham gia ở vị trí số 17. Lời khai của bà Thanh còn phù hợp với lời khai của bà Lê Thị M. D ở vị trí thứ 14 trong danh sách.

+ Đối với dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2019 được bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1976 (vợ 6 L1) khai: bà có tham gia dây hội này với 02 chân hội do Lê Thị L (vợ 3 L2) làm chủ hội, trong danh sách có 23 hội viên tham gia bà tham gia ở vị trí thứ 3 và 7 với tên “6 L1” vì tham gia chơi hội với bà L thì bà L ghi tên chồng của bà nhưng bà là người trực tiếp tham gia chơi và giao nhận tiền hội với bà L. Trong dây hội này bà xác định có chơi chung với ông Nguyễn Văn B tên “B” trong danh sách ở vị trí thứ 13. Như vậy, lời khai của ông B, bà Hồng phù hợp với danh sách hội viên, thông tin do Ban ấp Phú Hạ 1, Công an xã K.T, lời khai của những người làm chứng, Đỗ Thị Đợt, Mai Thị Thanh.

Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của những người khác như Châu Văn Đ, Chế Thị Th1 (Bôn), Nguyễn Thị Nh, Phan Thị C cũng là những người trực tiếp tham gia vào 3 dây hội nói trên do bà Lê Thị L trực tiếp làm chủ hội có ông B tham gia chơi. Hội chưa mãn, nhưng bà L những hội và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị L có xác lập hợp đồng dân sự, hội trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, hội có lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể. Đây là hợp đồng hội có lãi, việc xác lập hợp đồng hội giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy bà Lê Thị L là chủ hội đã thu các phần hội của các hội viên, trong đó thu tiền hội từ 03 dây hội do ông B là hội viên đóng, hội chưa mãn, ông Nguyễn Văn B (ông B vẫn chưa hết hội) theo 03 dây hội mà ông B đã tham gia là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả lại số tiền hội đã nợ phần vốn gốc là 98.000.000đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị Thu H đại diện cho ông B đều có yêu cầu xin rút lại một phần khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông B được hoàn lại 2.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008467 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bị đơn bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền ông B yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 282, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ hụi là 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu).

2. Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn).

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000 đồng theo biên lai thu số 0008467 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị Thu Hồng được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

